

Bản án số: 431/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13-8-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em

2. Ông Ngô Hữu Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Loan - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2020/TLST- HNGĐ ngày 28/4/2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2020/QĐST-DS, ngày 07/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Xuân P, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Số a Đường số x, Tổ y, Khu phố v, phường T, Quận z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trịnh Thị Thúy K, sinh năm 1966 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số a Đường số x, Tổ y, Khu phố v, phường T, Quận z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2020 của nguyên đơn, các bản tự khai, biên bản hòa giải và tranh tụng tại phiên tòa thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Hai bên tự nguyện tìm hiểu sống và đăng ký kết hôn tại UBND Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 45, quyển số 01 ngày 17/11/1990. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2016, ông P bà K đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và ngày càng trở nên trầm trọng, nên ông P bỏ nhà đi không sống chung với bà K. Do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên gây gổ và lạnh nhạt. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hòa giải mâu thuẫn và nỗ lực hàn gắn tình cảm trong thời gian dài

nhưng nay vẫn không hòa giải được. Nay ông P xác định tình cảm giữa ông và bà K không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà K.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Huỳnh Thị Kiều L, sinh ngày 20/12/1991, đã trưởng thành.

- Tài sản chung, nợ chung: Ông P khai tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt ngày 20/7/2020 bà Trịnh Thị Thúy K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà đồng ý với lời trình bày của ông P về việc tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian dài, đến khoảng cuối năm 2019 ông P có người phụ nữ khác nên không quan tâm đến vợ con. Nay ông P xin ly hôn, bà K đồng ý ly hôn với ông P, bà K xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Huỳnh Thị Kiều L, sinh ngày 20/12/1991, đã trưởng thành.

Tài sản chung, nợ chung: Bà K khai không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn ông P không rút đơn khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà K, con chung đã trưởng thành.

Bị đơn bà Trịnh Thị Thúy K xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm 72 Bộ luật tố tụng dân sự vì vắng mặt tại các phiên hòa giải mà không có lý do chính đáng dù đã được triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Huỳnh Xuân P yêu cầu được ly hôn với bà Trịnh Thị Thúy K là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn bà Trịnh Thị Thúy K cư ngụ tại Quận 7 nên căn cứ khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét xử vắng mặt bị đơn:

Bà Trịnh Thị Thúy K có yêu cầu xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà K.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/11/1990, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Huỳnh Xuân P và bà Trịnh Thị Thúy K là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn gia đình: Ông P và bà K kết hôn năm 1990. Theo bà K mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khi ông P có mối quan hệ khác, nên tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Ông P cho rằng giữa ông với bà K không có tiền nói chung, vợ chồng không hiểu nhau nên thường lạnh nhạt, mâu thuẫn kéo dài không hóa giải được, năm 2018 đến nay ông P bỏ ra chỗ làm để sinh sống nên tình cảm không còn, do đó ông P yêu cầu được ly hôn bà K và bà K có lời khai đồng ý ly hôn với ông P.

Xét, quan hệ vợ chồng giữa ông P, bà K phát sinh từ năm 2016 đến nay, hai người đã cố gắng hòa giải nhưng không hàn gắn được, hiện nay mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến đời sống của nhau là mâu thuẫn đã đến lúc trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc ông P yêu cầu ly hôn với bà K và bà K cũng đồng ý ly hôn với ông P là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông P.

[2.3] Về con chung: Căn cứ Trích lục khai sinh (bản sao) số 113/TLKS-BS do Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/3/2020 có cơ sở để xác định ông P và bà K có 01 con chung là Huỳnh Thị Kiều L, sinh ngày 20/12/1991, đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình khi ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các Điều 207, 228, 266; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Huỳnh Xuân P.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Xuân P được ly hôn với bà Trịnh Thị Thúy K.

[1.2] Về con chung: Đã trưởng thành.

[1.3] Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, nguyên đơn ông Huỳnh Xuân P phải chịu. Ông Huỳnh Xuân P đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0032372 ngày 28/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Huỳnh Xuân P đã nộp đủ án phí.

[3] Quyền kháng cáo: Ông Huỳnh Xuân P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Trịnh Thị Thúy K có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- UBND P.6, Q 4;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Tố Nhân